

Số: 84 /CT-INC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Về việc công bố thông tin
Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO
- Mã chứng khoán: INC
- Địa chỉ trụ sở: Số 100 Đường Nguyễn Gia Trí, P25, Q.Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 0283 8995588 Fax: 0283 8995588
- Người thực hiện công bố thông tin: **Lại Văn Hoàn** - Chức vụ: Kế toán trưởng
- Loại công bố thông tin: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
- Nội dung công bố thông tin:

+ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021, bao gồm Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính được lập ngày 10/3/2022.

+ Nội dung giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2021 biến động trên 10% so với năm 2020.

- Thông tin trên được đăng tải tại Website: idico-incon.com.vn (mục quan hệ cổ đông)

Tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TCKT, VPTH.

NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lại Văn Hoàn

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision



Local Expertise
International Presence

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Số 100 Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO (IDICO - INCON) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO (IDICO - INCON) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn đầu tư IDICO theo Quyết định số 1423/QĐ-BXD ngày 13/10/2006 của Bộ Xây dựng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304843611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/01/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18/02/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10 ngày 18/02/2020 là 20.000.000.000 VND (Bằng chữ: hai mươi tỷ đồng), được chia thành 2.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần mệnh giá 10.000 VND).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO Investment Consultancy Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO – INCON.

Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là INC.

Địa chỉ trụ sở chính: số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Hiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên (Bầu từ ngày 27/4/2021)
Ông Nguyễn Đức Tiến	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2021)
Ông Mai Quốc Chính	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2021)
Ông Phan Công Nhân	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2021)

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Thùy Phương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trọng Thọ	Thành viên
Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên (Bầu từ ngày 27/4/2021)
Bà Phan Thị Thanh Tâm	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2021)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 01/01/2022)
Ông Đàm Văn Kiên	Phó Giám đốc
Ông Tạ Văn Lợi	Phó Giám đốc
Ông Phạm Lâm Sơn	Phó Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Số 100 Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Nguyễn Ngọc Khánh

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Số: 80/2022/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO, được lập ngày 10/3/2022, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue handwritten signature.

Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Lưu Minh Tới**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137 -1

A red stamp on the right margin, partially visible, containing the text "Y", "AN", "NA", and "01/22".

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		28.781.130.645	30.634.086.570
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.241.300.825	3.291.808.359
1. Tiền	111		2.741.300.825	1.291.808.359
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	2.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.597.343.892	10.853.155.600
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	8.346.332.112	11.014.897.999
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		253.000.000	408.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	542.401.038	606.215.349
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(1.544.389.258)	(1.175.957.748)
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	15.922.334.790	16.399.751.282
1. Hàng tồn kho	141		15.922.334.790	16.399.751.282
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		20.151.138	89.371.329
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	20.151.138	25.329.546
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	-	64.041.783
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		7.387.879.229	7.792.408.805
II Tài sản cố định	220		7.276.136.805	7.792.408.805
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	4.879.952.805	5.389.100.805
- Nguyên giá	222		8.740.170.327	8.691.670.327
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.860.217.522)	(3.302.569.522)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	2.396.184.000	2.403.308.000
- Nguyên giá	228		4.865.783.400	4.865.783.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.469.599.400)	(2.462.475.400)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		111.742.424	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	111.742.424	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		36.169.009.874	38.426.495.375

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		10.230.350.357	12.837.824.578
I- Nợ ngắn hạn	310		10.230.350.357	12.837.824.578
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	2.057.717.919	1.482.931.227
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	2.350.338.633	3.696.977.966
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	989.438.613	860.017.568
4. Phải trả người lao động	314		1.203.352.000	2.699.120.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	1.790.285.176	2.395.087.412
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.839.218.016	1.703.690.405
II- Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		25.938.659.517	25.588.670.797
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	25.938.659.517	25.588.670.797
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		248.050.000	248.050.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.445.581.609	1.445.581.609
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.642.651.577	1.642.651.577
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.602.376.331	2.252.387.611
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.602.376.331	2.252.387.611
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		36.169.009.874	38.426.495.375

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc









Phạm Thị Loan

Lại Văn Hoàn

Nguyễn Ngọc Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	24.219.504.174	24.091.691.752
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		24.219.504.174	24.091.691.752
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	15.136.486.956	14.892.629.129
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		9.083.017.218	9.199.062.623
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	41.540.485	44.890.455
7. Chi phí tài chính	22	6.4	-	10.654.829
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	10.654.829
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	5.834.462.803	6.567.189.549
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		3.290.094.900	2.666.108.700
11. Thu nhập khác	31		11.502.000	73.779.703
12. Chi phí khác	32		-	55.647.600
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	11.502.000	18.132.103
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		3.301.596.900	2.684.240.803
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	699.220.569	431.853.192
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.602.376.331	2.252.387.611
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.171	900

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc







Phạm Thị Loan

Lại Văn Hoàn

Nguyễn Ngọc Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.301.596.900	2.684.240.803
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		564.772.000	547.550.472
- Các khoản dự phòng	03		368.431.510	(434.588.926)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(41.540.485)	(83.703.091)
- Chi phí lãi vay	06		-	10.654.829
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		4.193.259.925	2.724.154.087
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.887.380.198	1.472.474.977
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		477.416.492	(910.410.408)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.062.183.703)	718.539.242
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(106.564.016)	13.631.225
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(10.654.829)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(380.855.275)	(718.977.823)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(316.860.000)	(158.590.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		4.691.593.621	3.130.166.471
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(48.500.000)	(78.181.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	41.363.636
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.540.485	44.890.455
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(6.959.515)	8.072.273
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(340.314.500)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.735.141.640)	(2.012.523.750)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(2.735.141.640)	(2.352.838.250)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		1.949.492.466	785.400.494
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.291.808.359	2.506.407.865
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	5.241.300.825	3.291.808.359

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Loan

Lại Văn Hoàn



Nguyễn Ngọc Khánh

Phạm Thị Loan

Lại Văn Hoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO (IDICO - INCON) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn đầu tư IDICO theo Quyết định số 1423/QĐ-BXD ngày 13/10/2006 của Bộ Xây dựng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304843611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/01/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18/02/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10 ngày 18/02/2020 là 20.000.000.000 VND (*Bằng chữ: hai mươi tỷ đồng*), được chia thành 2.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần mệnh giá 10.000 VND).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO Investment Consultancy Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - INCON.

Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là INC.

Địa chỉ trụ sở chính: số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 57 người (tại ngày 31/12/2020 là 59 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty:

- Tư vấn quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông, nông nghiệp;
- Tư vấn đấu thầu về xây lắp, cung cấp vật tư và mua sắm máy móc thiết bị;
- Lập và thẩm tra dự án đầu tư xây dựng, thẩm tra thiết kế, dự toán và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, nông nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế công trình kỹ thuật và đô thị;
- Thiết kế qui hoạch xây dựng công trình;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt phần điện và thiết bị điện công trình;
- Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.3 Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Thiết kế kết cấu công trình giao thông;
- Giám sát thi công công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện;
- Đánh giá tác động môi trường;
- Thiết kế kiến trúc công trình;
- Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Thẩm tra an toàn giao thông đường bộ;
- Lập báo cáo đầu tư (nghiên cứu tiền khả thi và khả thi): giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp nước, thoát nước, môi trường đô thị và khu công nghiệp);
- Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình dân dụng và giao thông;
- Xây dựng công trình dân dụng khác. Chi tiết:
- Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc các dự án thử nghiệm công nghệ mới hoặc thuộc các đề tài nghiên cứu khoa học, cải tạo, duy tu, trùng tu các công trình văn hóa và bảo tồn lịch sử;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông, nông nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là tư vấn, thiết kế, giám sát thi công công trình.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính, và giá trị thương hiệu được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

TSCĐ vô hình là Phần mềm máy tính được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Thương hiệu được tính hao mòn trong thời gian 10 năm, kể từ năm 2007. Việc ghi nhận trên có khác biệt so với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất không có thời hạn tại số 100, Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có nguyên giá ban đầu là 2.389.054.000 đồng. Tài sản cố định là quyền sử dụng đất không thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 5 năm đến 8 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí: Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí sửa chữa văn phòng Công ty.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ thiết kế, tư vấn, giám sát thi công công trình.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Trong năm, Công ty chỉ hoạt động thiết kế, giám sát, khảo sát thiết kế, khảo sát thi công, lập Báo cáo, dự án tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	13.696.018	30.747.716
Tiền gửi ngân hàng	2.727.604.807	1.261.060.643
Các khoản tương đương tiền (i)	2.500.000.000	2.000.000.000
Tổng	5.241.300.825	3.291.808.359

(i) Khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất 3% /năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty IDICO - CTCP	2.176.310.911	2.746.151.493
Công ty TNHH Đầu Tư Quốc lộ 1 Tiền Giang	1.308.211.699	1.308.211.699
Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị & KCN IDICO	-	24.442.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và du lịch Bình Tiên	1.313.311.900	2.922.390.182
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng KCN Trung Nam Cà Ná	-	676.153.000
Chi nhánh Tổng Cty IDICO - CTCP tại Miền Đông	60.000.000	90.000.000
Ban Quản lý dự án huyện Đức Linh	-	525.341.200
Trường Đại học cảnh sát nhân dân	831.417.600	60.607.000
Phải thu đối tượng khác	2.657.080.002	2.661.601.425
Tổng	8.346.332.112	11.014.897.999
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>3.967.772.972</i>	<i>3.190.424.320</i>

5.3 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty Cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa	102.331.466	102.331.466	102.331.466	102.331.466
Phải thu các đội thi công công trình	359.069.572	359.069.572	359.069.572	359.069.572
Tạm ứng	81.000.000	-	114.204.500	-
Phải thu tiền Bảo hiểm xã hội nộp dư	-	-	30.609.811	-
Tổng	542.401.038	461.401.038	606.215.349	461.401.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	2.078.219.737	533.830.479	2.126.283.737	950.325.989

Trong đó:

	Từ 2 năm đến dưới 3 năm		Từ 3 năm trở lên	
Công ty TNHH Đầu tư QL1 Tiền Giang		1.308.211.699		-
Nguyễn Trúc Nghĩa		-		261.148.157
Đinh Thị Liên		-		220.000.000
Các khách hàng khác		-		288.859.881

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	26.265.816	-	32.043.716	-
Chi phí SX KDDD	15.896.068.974	-	16.367.707.566	-
Tổng	15.922.334.790	-	16.399.751.282	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2021	4.927.824.662	516.632.868	2.953.892.336	293.320.461	8.691.670.327
Tăng trong năm	-	-	-	48.500.000	48.500.000
Mua sắm trong năm	-	-	-	48.500.000	48.500.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	4.927.824.662	516.632.868	2.953.892.336	341.820.461	8.740.170.327
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2021	936.282.973	516.632.868	1.621.485.038	228.168.643	3.302.569.522
Tăng trong năm	197.111.999	-	316.176.001	44.360.000	557.648.000
Khấu hao trong năm	197.111.999	-	316.176.001	44.360.000	557.648.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	1.133.394.972	516.632.868	1.937.661.039	272.528.643	3.860.217.522
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	3.991.541.689	-	1.332.407.298	65.151.818	5.389.100.805
Tại ngày 31/12/2021	3.794.429.690	-	1.016.231.297	69.291.818	4.879.952.805

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 với giá trị là 940.216.097 VND (tại ngày 31/12/2020 là: 940.216.097 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 3.794.429.690 VND (tại ngày 01/01/2021 là 3.991.541.689 VND). Tại ngày 31/12/2021, Công ty không có số dư vay phải trả, tuy nhiên, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh vẫn giữ hồ sơ tài sản thế chấp nhằm đảm bảo cho dịch vụ phát hành chứng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc đảm bảo cho các khoản vay phát sinh trong tương lai theo hợp đồng hạn mức số 01/2021/95378/HĐTD ngày 13/10/2021, có thời hạn 01 năm từ ngày 13/10/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7 Tài sản cố định vô hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			<i>Tổng</i>
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2021	2.389.054.000	476.729.400	2.000.000.000	4.865.783.400
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	2.389.054.000	476.729.400	2.000.000.000	4.865.783.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2021	-	462.475.400	2.000.000.000	2.462.475.400
Tăng trong năm	-	7.124.000	-	7.124.000
Khấu hao trong năm	-	7.124.000	-	7.124.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	-	469.599.400	2.000.000.000	2.469.599.400
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2021	2.389.054.000	14.254.000	-	2.403.308.000
Tại ngày 31/12/2021	2.389.054.000	7.130.000	-	2.396.184.000

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 2.389.054.000 VND (tại ngày 01/01/2021 là 2.389.054.000 VND). Tại ngày 31/12/2021, Công ty không có số dư vay phải trả, tuy nhiên, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh vẫn giữ hồ sơ tài sản thế chấp nhằm đảm bảo cho dịch vụ phát hành chứng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc đảm bảo cho các khoản vay phát sinh trong tương lai theo hợp đồng hạn mức số 01/2021/95378/HĐTD ngày 13/10/2021, có thời hạn 1 năm từ ngày 13/10/2021.

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	20.151.138	25.329.546
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	111.742.424	-
Tổng	131.893.562	25.329.546

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần thiết kế và Xây dựng Rạng Đông	573.240.909	573.240.909	242.950.909	242.950.909
Công ty TNHH Kiến trúc ORI	426.818.182	426.818.182	426.818.182	426.818.182
Cty TNHH MTV Tư vấn thiết kế đầu tư XD Gia Phát	504.350.000	504.350.000	-	-
Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2	251.250.000	251.250.000	251.250.000	251.250.000
Công ty Cổ phần tổng hợp Xây dựng Tuấn Phát	177.272.728	177.272.728	165.454.545	165.454.545
Công ty TNHH tư vấn đầu tư Xây dựng Tân Việt Phát	-	-	311.827.364	311.827.364
Các đối tượng khác	124.786.100	124.786.100	84.630.227	84.630.227
Tổng	2.057.717.919	2.057.717.919	1.482.931.227	1.482.931.227

Trong đó:

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2	251.250.000	251.250.000	251.250.000	251.250.000
Các đối tượng khác	24.615.000	24.615.000	24.615.000	24.615.000
Tổng	275.865.000	275.865.000	275.865.000	275.865.000

5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tổng công ty IDICO -CTCP	875.136.533	951.437.333
Công ty cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An	552.000.000	552.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư và du lịch Bình Tiên	272.420.000	-
BQL dự án phát triển hạ tầng các KCN tỉnh Bến Tre	-	813.923.715
BQL dự án ĐTXD và công trình công cộng H.Lâm Hà	-	300.000.000
Công ty cổ phần KCN Thành Thành Công	192.720.000	519.943.000
Các đối tượng khác	458.062.100	559.673.918
Tổng	2.350.338.633	3.696.977.966
<i>Trong đó, Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>1.164.310.533</i>	<i>1.337.611.333</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	Tại ngày 01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2021
Phải nộp	860.017.568	2.967.287.258	2.837.866.213	989.438.613
Thuế giá trị gia tăng	791.199.868	2.201.807.395	2.323.875.861	669.131.402
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	635.178.786	380.855.275	254.323.511
Thuế thu nhập cá nhân	68.817.700	127.301.077	130.135.077	65.983.700
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phải thu	64.041.783	64.041.783	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	64.041.783	64.041.783	-	-

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Kinh phí công đoàn	75.433.000	58.699.575
Bảo hiểm xã hội	7.957.189	-
Bảo hiểm y tế	467.000	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.393.000	-
Cổ tức phải trả	1.199.292.087	2.157.188.337
Phải trả nhân viên về chi phí dự án	505.742.900	179.199.500
Tổng	1.790.285.176	2.395.087.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.13 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế		Tổng
					chưa phân phối	phối	
Số dư tại ngày 01/01/2020	20.000.000.000	248.050.000	1.445.581.609	3.042.651.577	1.957.991.110		26.694.274.296
Tăng trong năm	-	-	-	-	3.652.387.611		3.652.387.611
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	2.252.387.611		2.252.387.611
Tăng từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000		1.400.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	1.400.000.000	3.357.991.110		4.757.991.110
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	357.991.110		357.991.110
Hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	-	1.400.000.000	-		1.400.000.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	3.000.000.000		3.000.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2020	20.000.000.000	248.050.000	1.445.581.609	1.642.651.577	2.252.387.611		25.588.670.797
Số dư tại ngày 01/01/2021	20.000.000.000	248.050.000	1.445.581.609	1.642.651.577	2.252.387.611		25.588.670.797
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.602.376.331		2.602.376.331
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	2.602.376.331		2.602.376.331
Giảm trong năm (*)	-	-	-	-	2.252.387.611		2.252.387.611
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	452.387.611		452.387.611
Chia cổ tức	-	-	-	-	1.800.000.000		1.800.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2021	20.000.000.000	248.050.000	1.445.581.609	1.642.651.577	2.602.376.331		25.938.659.517

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết số 01/NQ-CT ngày 27/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với giá trị là 227.149.611 VND;
- Trích khen thưởng Ban điều hành với giá trị là 225.238.000 VND;
- Chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 9% x Vốn điều lệ;

b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO	-	-	-	10,00%	200.000	2.000.000.000
Tổng công ty IDICO - CTCP (i)	70,40%	1.408.000	14.080.000.000	60,40%	1.208.000	12.080.000.000
Ông Nguyễn Trọng Thọ	5,06%	101.200	1.012.000.000	5,06%	101.200	1.012.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	24,54%	490.800	4.908.000.000	24,54%	490.800	4.908.000.000
Tổng	100,00%	2.000.000	20.000.000.000	100,00%	2.000.000	20.000.000.000

(i) Theo Thông báo kết quả giao dịch mua chứng khoán ngày 30/3/2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, Tổng công ty IDICO - CTCP (IDICO) đã mua 200.000 cổ phiếu của Công ty do Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO nắm giữ. Theo đó, số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là: 1.408.000 cổ phiếu, tương ứng 70,40% vốn điều lệ IDICO - INCON.

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức đã chia	1.800.000.000	3.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.642.651.577	1.642.651.577
Tổng	1.642.651.577	1.642.651.577

5.14 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải thu khó đòi đã xử lý		
BQL dự án T30 CA.TP.HCM	-	11.502.000
BQL DA ĐTXD công trình DD & CN tỉnh Hậu Giang	158.617.000	158.617.000
Tổng công ty Tư vấn thiết kế Dầu Khí	219.365.100	219.365.100
Cty CP ĐTXD và Du lịch IDICO	213.052.000	213.052.000
Viện Thiết kế Trường học	5.234.000	5.234.000
Tổng	596.268.100	607.770.100

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu.cung cấp dịch vụ	24.219.504.174	24.091.691.752
Tổng	24.219.504.174	24.091.691.752
<i>Trong đó, doanh thu đối với bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>11.745.536.029</i>	<i>4.632.306.456</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.136.486.956	14.892.629.129
Tổng	15.136.486.956	14.892.629.129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	41.540.485	44.890.455
Tổng	41.540.485	44.890.455

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	-	10.654.829
Tổng	-	10.654.829

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.888.971.000	4.556.163.000
Chi phí vật liệu quản lý	100.037.802	14.828.800
Chi phí khấu hao TSCĐ	564.772.000	547.550.472
Trích lập dự phòng	368.431.510	169.730.574
Chi phí bằng tiền khác	912.250.491	1.278.916.703
Tổng	5.834.462.803	6.567.189.549

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	38.812.636
Các khoản khác	11.502.000	34.967.067
Tổng	11.502.000	73.779.703
Chi phí khác		
Các khoản khác	-	55.647.600
Tổng	-	55.647.600
Lợi nhuận khác	11.502.000	18.132.103

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.301.596.900	2.684.240.803
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>		
<i>Thù lao của Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành</i>	194.505.950	400.424.864
<i>Chi phí không được trừ</i>	104.000.000	108.000.000
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>		
<i>Thu nhập chịu thuế</i>	90.505.950	292.424.864
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	-	-
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.496.102.850	3.084.665.667
Điều chỉnh giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	699.220.569	616.933.132
Chi phí thuế TNDN hiện hành	699.220.569	431.853.192

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.602.376.331	2.252.387.611
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành (i)	(260.237.633)	(452.387.611)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.342.138.698	1.800.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.171	900

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-CT ngày 27/4/2021 của Công ty, giá trị ước tính giảm trừ vào Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 là 10% Lợi nhuận sau thuế, tương đương 260.237.633 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Trình bày lại Chi tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020:

Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 với số tiền 452.387.611 VND, đã được phê duyệt tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-CT ngày 27/4/2021 của Công ty. Theo đó, “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày lại như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<u>Số đã trình bày trên báo cáo năm trước</u>	<u>Số trình bày lại</u>	<u>Chênh lệch</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.252.387.611	2.252.387.611	-
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành	-	(452.387.611)	(452.387.611)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.252.387.611	1.800.000.000	(452.387.611)
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	2.000.000	2.000.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.126	900	(226)

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	506.765.502	714.974.850
Chi phí nhân công	13.470.147.204	14.836.124.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	564.772.000	547.550.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.083.454.201	4.790.836.922
Chi phí khác bằng tiền	1.280.682.001	1.530.314.563
Tổng	18.905.820.908	22.419.800.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
Tổng Công ty IDICO - CTCP	Đơn vị cùng IDICO	IDICO
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - MCI
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - UDICO
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - LINCO
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - CONAC
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCO 10
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCON
Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - URBIZ
Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - SHP
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - IDI
Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - ICC
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và KCN Quế Võ IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - QUE VO
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - TCC
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Đơn vị cùng IDICO	LAMA IDICO
Chi nhánh Tổng Công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	Chi nhánh thuộc IDICO	IDICO - IEB

Bên liên quan	Chức vụ
Ông Hoàng Văn Hiến	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Đức Tiến	Nguyên thành viên HĐQT độc lập
Ông Phan Công Nhân	Nguyên thành viên HĐQT
Ông Mai Quốc Chinh	Nguyên thành viên HĐQT
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Phương Dung	Phụ trách quản trị
Bà Vũ Thị Thùy Phương	Trưởng BKS
Ông Nguyễn Trọng Thọ	Thành viên BKS
Bà Phan Thị Thanh Tâm	Nguyên thành viên BKS
Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên BKS
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Giám đốc
Ông Đàm Văn Kiên	Phó Giám đốc
Ông Tạ Văn Lợi	Phó Giám đốc
Ông Phạm Lâm Sơn	Phó Giám đốc
Ông Lại Văn Hoàn	Kế toán trưởng - Người được ủy quyền công bố thông tin

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

b. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**Thù lao Hội đồng Quản trị**

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Hoàng Văn Hiến	Chủ tịch	66.000.000	69.334.000
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	41.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Đức Tiến	Nguyên thành viên HĐQT độc lập	14.000.000	24.000.000
Ông Phan Công Nhân	Nguyên thành viên HĐQT	14.000.000	24.000.000
Ông Mai Quốc Chinh	Nguyên thành viên HĐQT	14.000.000	24.000.000
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	27.000.000	-
Tổng		176.000.000	165.334.000

Thù lao Ban Kiểm soát

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bà Vũ Thị Thùy Phương	Trưởng BKS	41.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Trọng Thọ	Thành viên BKS	25.000.000	12.000.000
Bà Phan Thị Thanh Tâm	Nguyên thành viên BKS	7.000.000	12.000.000
Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên BKS	18.000.000	-
Tổng		91.000.000	48.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc, Người phụ trách quản trị, Người công bố thông tin

Bên liên quan	Chức vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Giám đốc	571.107.000	610.587.000
Ông Đàm Văn Kiên	Phó Giám đốc	497.336.000	534.626.000
Ông Tạ Văn Lợi	Phó Giám đốc	507.439.000	542.443.000
Ông Phạm Lâm Sơn	Phó Giám đốc	486.025.000	510.923.000
Bà Nguyễn Thị Phương Dung	Phụ trách quản trị	258.969.000	232.474.000
Ông Lại Văn Hoàn	Kế toán trưởng - Người công bố thông tin	243.135.000	317.284.000
Tổng		2.564.011.000	2.748.337.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
<u>Giao dịch bán</u>			
IDICO - IDI	Cung cấp dịch vụ	-	201.570.204
IDICO - ICC	Cung cấp dịch vụ	-	285.454.545
IDICO - URBIZ	Cung cấp dịch vụ	4.271.481.818	885.752.727
IDICO	Cung cấp dịch vụ	7.419.508.756	2.931.168.616
IDICO - IEB	Cung cấp dịch vụ	54.545.455	81.818.182
IDICO - QUE VO	Cung cấp dịch vụ	-	246.542.182
Tổng		11.745.536.029	4.632.306.456

d. Số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>31/12/2021</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2021</u> <u>VND</u>
<u>Số dư phải thu khách hàng</u>		
IDICO - IDI	167.545.427	167.545.427
IDICO - QUE VO	162.285.400	162.285.400
IDICO	2.321.623.963	2.746.151.493
IDICO - IEB	60.000.000	90.000.000
IDICO - URBIZ	1.256.318.182	24.442.000
Tổng	3.967.772.972	3.190.424.320
<u>Người mua trả tiền trước</u>		
IDICO - QUE VO	158.449.000	158.449.000
IDICO	875.136.533	951.437.333
IDICO - UDICO	-	97.000.000
IDICO - URBIZ	130.725.000	130.725.000
Tổng	1.164.310.533	1.337.611.333
<u>Phải trả khác</u>		
IDICO	1.087.200.000	1.812.000.000
IDICO - URBIZ	-	300.000.000
Tổng	1.087.200.000	1.812.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Số 100 Nguyễn Gia Trí, phường 25,

quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Loan

Lại Văn Hoàn

Nguyễn Ngọc Khánh

